

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3540/STNMT-VP ngày 15 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 41 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế) (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT, TT PVHCC, CV: TN;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ
NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 2755 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|----------|--|-----------------|--|
| I | Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường | | |
| 1. | Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện | Đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 2. | Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện | Đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 3. | Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc | Đo đạc bản đồ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 4. | Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ | Đo đạc bản đồ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 5. | Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ | Đo đạc bản đồ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 6. | Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường | Tổng hợp | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 7. | Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 8. | Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 9. | Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |

| | | | |
|-----|---|------------------------|--|
| | kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước | | |
| 10. | Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 11. | Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 12. | Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 13. | Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 14. | Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 15. | Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 16. | Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác | Địa chất và Khoáng sản | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 17. | Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương | Địa chất và Khoáng sản | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 18. | Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển | Biển và Hải đảo | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 19. | Cung cấp dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo để xây dựng CSDL của Bộ, ngành, địa phương | Biển và Hải đảo | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 20. | Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 21. | Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 22. | Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |

| | | | |
|-----------|--|----------------|--|
| | hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh | | |
| 23. | Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 24. | Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 25. | Xét thăng hạng địa chính viên hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 26. | Xét thăng hạng địa chính viên hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 27. | Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 28. | Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 29. | Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 30. | Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 31. | Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 32. | Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 33. | Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 34. | Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 35. | Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 36. | Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| II | Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 37. | Phê duyệt Kế hoạch hành động kinh tế | Môi trường | Sở Kế hoạch và |

| | | | |
|------------|--|-----------------|-----------------------|
| | tuần hoàn cấp tỉnh | | Đầu tư |
| III | Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải | | |
| 38. | Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành. | Môi trường | Sở Giao thông vận tải |
| IV | Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở UBND cấp huyện | | |
| 39. | Xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện | Biển và Hải đảo | UBND cấp huyện |
| 40. | Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung | Môi trường | UBND cấp huyện |
| 41. | Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã | Môi trường | UBND cấp huyện |

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 2755 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|--|-----------------|--|
| 1. | Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện | Đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 2. | Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện | Đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 3. | Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc | Đo đạc bản đồ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 4. | Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ | Đo đạc bản đồ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 5. | Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ | Đo đạc bản đồ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 6. | Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường | Tổng hợp | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 7. | Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 8. | Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 9. | Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |

| | | | |
|-----|--|------------------------|--|
| | lang bảo vệ nguồn nước | | |
| 10. | Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 11. | Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 12. | Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 13. | Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 14. | Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 15. | Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành | Tài nguyên nước | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 16. | Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác | Địa chất và Khoáng sản | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 17. | Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương | Địa chất và Khoáng sản | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 18. | Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển | Biển và Hải đảo | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 19. | Cung cấp dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo để xây dựng CSDL của Bộ, ngành, địa phương | Biển và Hải đảo | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 20. | Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 21. | Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 22. | Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 23. | Ban hành quyết định về xác định vị trí, | Môi trường | Sở Tài nguyên |

| | | | |
|-----|--|----------------|--|
| | ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý | | và Môi trường, UBND tỉnh |
| 24. | Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề | Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 25. | Xét thăng hạng địa chính viên hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 26. | Xét thăng hạng địa chính viên hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 27. | Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 28. | Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 29. | Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 30. | Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 31. | Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 32. | Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 33. | Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 34. | Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |
| 35. | Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 36. | Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II | Tổ chức cán bộ | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh |

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC NỘI BỘ

I. Lĩnh vực Đất đai

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định; đối với các địa phương không có tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định và gửi thông báo kết quả thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Báo cáo thuyết minh về quy hoạch sử dụng đất;

- Hệ thống bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);

- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định;

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian không quá 50 (Năm mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến các sở, ngành có liên quan để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các sở, ngành có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp và gửi thông báo kết quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ;

- Căn cứ hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được hoàn thiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt xong trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Báo cáo thuyết minh về kế hoạch sử dụng đất;

- Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian không quá 25 (Hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định, Sở Tài nguyên và Môi

trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

II. Lĩnh vực Đo đạc bản đồ

3. Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc

a) Trình tự thực hiện:

* Việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định sau đây:

- Cơ quan, tổ chức gửi văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc tới Ủy ban nhân dân tỉnh trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về việc di dời đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan giải quyết;

- Khi được UBND tỉnh chấp thuận di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật - dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thiết kế kỹ thuật - dự toán tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc có trách nhiệm chuyển kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc;

- Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

* Việc di dời mốc đo đạc khi giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định sau đây:

- Cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Dự toán kinh phí di dời mốc đo đạc được phê duyệt là căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân chi trả bồi thường cho việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất dự kiến sẽ giao;

- Việc tổ chức thực hiện di dời mốc đo đạc, bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc thực hiện theo quy định như sau:

+ Cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc có trách nhiệm chuyên kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc.

+ Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

* Việc di dời mốc đo đạc do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí được thực hiện như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình, tổ chức triển khai thực hiện việc di dời sau khi được phê duyệt;

- Cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình, tổ chức triển khai thực hiện việc di dời sau khi được phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc (Bản chính).

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao làm chủ đầu tư dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả di dời mốc đo đạc.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo thiết kế dự toán sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

4. Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho cơ quan, tổ chức lưu trữ về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ.

- Cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ việc lưu trữ, bảo quản an toàn, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Thông tin, dữ liệu về hệ thống các điểm gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia bao gồm sơ đồ mạng lưới, ghi chú điểm, sổ đo, thành quả tính toán bình sai, biên bản bàn giao mốc đo đạc tại thực địa;

- Dữ liệu nền địa lý quốc gia gồm dữ liệu nền địa lý quốc gia kèm theo siêu dữ liệu, dữ liệu độ cao, dữ liệu tầng dày không chế ảnh;

- Dữ liệu, sản phẩm bản đồ địa hình quốc gia gồm bản đồ địa hình quốc gia gốc dạng số kèm lý lịch bản đồ, sản phẩm bản đồ được xuất bản;

- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia gồm Hiệp ước về hoạch định biên giới trên đất liền kèm theo bản đồ hoạch định biên giới, Nghị định thư về phân giới, cắm mốc trên đất liền kèm bộ bản đồ biên giới quốc gia; hồ sơ về phân giới, cắm mốc; Hiệp định về phân định ranh giới trên biển; bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia;

- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính gồm hồ sơ kèm theo bản đồ địa giới hành chính các cấp;

- Dữ liệu, danh mục địa danh gồm danh mục địa danh dạng số và in trên giấy.

d) Thời hạn giải quyết: Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án giao nộp để lưu trữ theo quy định. Thời hạn giao nộp không quá 30 ngày kể từ ngày thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được nghiệm thu cấp chủ đầu tư.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao làm chủ đầu tư dự án.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

5. Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Trình tự thực hiện:

- Hàng năm cơ quan, tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ lập danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (cấp cục, cấp sở hoặc tương đương);

- Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp lập tờ trình kèm theo danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng gửi cơ quan chủ quản (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đề nghị tiêu hủy;

- Sau khi nhận được ý kiến chấp thuận của cơ quan chủ quản (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, cơ quan quản lý cấp cục, cấp sở hoặc tương đương thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị tiêu hủy của cơ quan, tổ chức lưu trữ có tài liệu hết giá trị sử dụng;

- Tờ trình đề nghị tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng của cơ quan quản lý cấp cục, cấp sở hoặc tương đương;

- Văn bản chấp thuận về việc tiêu hủy của cơ quan chủ quản;
- Quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;
- Biên bản xác định giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;
- Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị gửi cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lưu trữ cùng cấp thẩm định thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị cần tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ;
- Văn bản thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ;
- Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị của cơ quan quản lý cấp cục, cấp sở hoặc tương đương;
- Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ để tiêu hủy;
- Biên bản tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị của cơ quan quản lý cấp cục, cấp sở hoặc tương đương.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2018.

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ.

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

IV. Lĩnh vực Tổng hợp

6. Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Tài nguyên và Môi trường lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành.

- Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

IV. Lĩnh vực Tài nguyên nước

7. Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;

- Dự thảo Kế hoạch hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023.

8. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và nghiệm thu kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 5: Sau khi nhận được quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, cập nhật kết quả vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Dự thảo Kế hoạch hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.

9. Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo

vệ.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ Danh mục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục hoặc Tờ trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10. Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn

hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về Dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo

vệ nước dưới đất và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất;
- Dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất;
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; phải phù hợp với phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải đồng bộ, phù hợp với nguồn lực, giải pháp thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

12. Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt hoặc điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt hoặc điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

- Bước 3: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- Bước 6: Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 8: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt hoặc điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 9: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh: Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện:

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

- Thời gian lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc điều chỉnh Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

13. Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình đề nghị đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

- Dự thảo Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai

thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023.

14. Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch khai thác tài nguyên nước;
- Dự thảo kế hoạch khai thác tài nguyên nước;
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

15. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xây dựng danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành

trên các lưu vực sông thuộc phạm vi tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành;

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

V. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản

16. Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ thực tế nguồn thu hàng năm từ hoạt động khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

17. Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Tục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

VI. Lĩnh vực Biển và Hải đảo**18. Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển****a) Trình tự thực hiện**

Bước 1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ “Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển”; lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan; đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu UBND tỉnh văn bản lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ liên quan về điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến góp ý, hoàn thiện, trình UBND tỉnh.

Bước 3. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, các Sở, ban ngành, địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả. Trong trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 4. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành:

- Điều chỉnh bản đồ và hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.
- Tham mưu UBND tỉnh công bố hành lang bảo vệ bờ biển trên các phương tiện thông tin đại chúng
- Thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên thực địa.
- Bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển cho địa phương quản lý

b) Cách thức thực hiện: Không quy định**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Văn bản gửi các Sở, ban ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan.
- Văn bản tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ liên quan lấy ý kiến điều chỉnh ranh giới HLBVBB.
- Căn cứ pháp lý và các tài liệu liên quan làm cơ sở để điều chỉnh ranh giới HLBVBB.
- Tờ trình phê duyệt ranh giới HLBVBB (điều chỉnh);
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thừa Thiên Huế (điều chỉnh);
- Báo cáo thuyết minh Xác định Chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thừa Thiên Huế (điều chỉnh);
- Bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh (điều chỉnh);
- Báo cáo Tổng hợp ý kiến góp ý và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến đối với Dự thảo Báo cáo Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thừa Thiên Huế (điều chỉnh);
- Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn thực hiện: Không quá 45 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Lệ phí, phí (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015;
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

19. Cung cấp dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo để xây dựng CSDL của Bộ, ngành, địa phương

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Sau khi nhận được văn bản của Bộ, cơ quan ngang bộ gửi yêu cầu cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển đến Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở gửi văn bản đến các Sở, ban ngành, địa phương có liên quan để thu thập, cung cấp dữ liệu theo yêu cầu Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp và cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua bưu chính

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản gửi các Sở, ban ngành, địa phương có liên quan để thu thập, cung cấp dữ liệu theo yêu cầu Bộ, cơ quan ngang Bộ

- Văn bản, các thông tin, số liệu cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời gian thực hiện

- Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Theo định kỳ: 06 tháng (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6); 01 năm (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan phối hợp: các Sở, ngành, địa phương có liên quan.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản, các thông tin, số liệu cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Lệ phí, phí (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015;
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Thông tư số 20/2016/TT-BNTMT ngày 25/8/ 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

VII. Lĩnh vực Môi trường

20. Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

21. Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành

Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

22. Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

23. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

24. Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

a) Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề trên địa bàn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ**25. Xét thăng hạng địa chính viên hạng III****a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề

nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyển trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh địa chính viên hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh địa chính viên hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV;
- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

26. Xét thăng hạng địa chính viên hạng II

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh thẩm định.
- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh địa chính viên hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II;
- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;
- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị

sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh địa chính viên hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

27. Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.
- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

28. Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh thẩm định.
- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và

Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyển trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm;

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.
- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

29. Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.
- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng

thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

30. Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm;

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị

sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các

đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

31. Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyển trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và

Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.
- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

32. Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyển trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm;

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.
- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

33. Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.
- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

34. Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm;

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa

Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

35. Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đo đạc bản đồ; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và

Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

36. Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh thẩm định.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II đối với

đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm;

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II;

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đo đạc bản đồ; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công

chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

- Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phụ lục II
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 2755 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|------------|-----------------------|
| 1 | Phê duyệt Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh | Môi trường | Sở Kế hoạch và Đầu tư |

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC NỘI BỘ

1. Phê duyệt Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục III
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VÀ VẬN TẢI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|------------|-----------------------|
| 1 | Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành | Môi trường | Sở Giao thông Vận tải |

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC NỘI BỘ

1. Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành.

a) Trình tự thực hiện: Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành tỉnh Thừa Thiên Huế tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục IV
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 2755 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|-----------------|-------------------|
| 1 | Xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện | Biển và Hải đảo | UBND cấp huyện |
| 2 | Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung | Môi trường | UBND cấp huyện |
| 3 | Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã | Môi trường | UBND cấp huyện |

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC NỘI BỘ

1. Xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND cấp huyện, UBND cấp huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện:

Bước 1. Tham mưu UBND huyện văn bản lấy ý kiến các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ

Bước 2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND xã liên quan đi kiểm tra thực địa (nếu cần thiết)

Bước 3. Phòng tổng hợp các ý kiến của các Sở, ngành, các xã liên quan để thực hiện thẩm định Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản tham mưu UBND huyện gửi các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

- Biên bản kiểm tra thực địa giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện với các Sở, ngành, các xã liên quan.

- Dự thảo Báo cáo Tổng hợp ý kiến góp ý và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời gian lấy ý kiến: Không quá 15 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, cơ quan phối hợp: các Sở, ngành, các xã có liên quan.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến

i) Lệ phí, phí (nếu có): Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Biển Việt Nam năm 2012;

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung

a) Trình tự thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ trì, phối hợp với các Phòng, đơn vị liên quan Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã

a) Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. (khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thừa Thiên Huế.

- c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).
- d) Thời gian thực hiện:** Không quy định.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã trên địa bàn của huyện.
- h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.